

Công ty:.....  
KCX/KCN:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày.....tháng.....năm 201

## MẪU BÁO CÁO GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ

*(Dành cho các Doanh nghiệp đang hoạt động trong KCX/KCN theo hướng dẫn tại Văn bản số 3105/TNMT-QLMT ngày 18/04/2008 của Sở Tài nguyên và Môi trường)*

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1.1. Thông tin liên lạc

- Tên Doanh nghiệp:.....
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:..... Fax:.....
- Website: ..... E-mail:.....

#### 1.2. Địa điểm hoạt động

- Vị trí khu đất:
  - + Vị trí tiếp giáp của DN:
  - + Diện tích khuôn viên của DN: .....m<sup>2</sup> (đính kèm bản vẽ tổng mặt bằng).
- Mô tả đặc điểm, tính chất của hạ tầng kỹ thuật của KCN/KCX mà DN đang hoạt động (hệ thống giao thông, cấp thoát nước, thu gom chất thải rắn, ...):.....  
.....  
.....

#### 1.3. Tính chất và quy mô hoạt động

- Loại hình hoạt động: (sản xuất công nghiệp, dịch vụ, kho bãi,...): .....
- Quy trình công nghệ đang áp dụng (mô tả sơ đồ khối qui trình công nghệ):

- Công suất hoạt động:

STT	SẢN PHẨM	CÔNG SUẤT (Sản phẩm/tháng hay năm)	
		Công suất thiết kế	Công suất thực tế
1			
2			
3			
4			
5			
6			

- Danh mục máy móc, thiết bị:

STT	TÊN MÁY MÓC, THIẾT BỊ	NĂM SẢN XUẤT	SỐ LƯỢNG	TÌNH TRẠNG HOẠT ĐỘNG
1				
2				
3				
4				
5				
6				

#### 1.4. Nhu cầu nguyên liệu và nhiên liệu

❖ Nhu cầu nguyên liệu sản xuất:

STT	NGUYÊN LIỆU	LƯỢNG SỬ DỤNG (Đơn vị/năm hay tháng)
1		
2		
3		
4		
5		
6		

❖ Nhu cầu hóa chất, phụ gia cho sản xuất:

STT	TÊN HÓA CHẤT	LƯỢNG SỬ DỤNG (Đơn vị/ năm hay tháng)	CÔNG ĐOẠN SỬ DỤNG	ĐẶC TÍNH (lỏng, rắn,...)
1				
2				
3				
4				

❖ Nhu nhiên liệu sản xuất:

STT	NHIÊN LIỆU	LƯỢNG SỬ DỤNG (Đơn vị/ năm hay tháng)	PHƯƠNG THỨC CUNG CẤP
1	Dầu DO		
2	Dầu FO		
3	Gas		
4	Điện		
5	Xăng		
6	Than		
7	Củi		
8	...		

❖ Nhu cầu dùng nước: .....m<sup>3</sup>/ngđ.

Nguồn cấp nước sử dụng cho hoạt động của doanh nghiệp:

Nguồn cung cấp của KCN, Lưu lượng: .....m<sup>3</sup>/tháng

Nguồn từ giếng khoan

\* Số lượng giếng khoan:.....giếng; Độ sâu giếng:.....m

\* Lưu lượng khai thác:.....m<sup>3</sup>/ngày

Có Giấy phép khai thác (*gửi kèm bản photo giấy phép khai thác*)

## II. CÁC NGUỒN GÂY TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

### 2.1. Tóm lược số lượng, thực trạng, diễn biến các nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải

#### 2.1.1. Nguồn phát sinh nước thải

\* Các nguồn phát sinh nước thải:

Nước làm nguội

Nước thải sau khi qua thiết bị hấp thụ khí

Nước thải sinh hoạt                      Lưu lượng: .....m<sup>3</sup>/ngày

Nước thải sản xuất                      Lưu lượng: .....m<sup>3</sup>/ngày

\* Bếp nấu ăn cho công nhân:

Có,      Số suất ăn:.....

Không

#### 2.1.2. Nguồn phát sinh khí thải

\* Bụi thải phát sinh từ khâu sản xuất nào?

.....

.....

.....

.....

.....

\* Khí thải đặc trưng phát sinh từ khâu sản xuất nào?

.....  
.....  
.....  
.....

\* Công ty có trang bị máy phát điện không?  Có  Không

- Số lượng: ..... cái
- Công suất máy 1: ..... Công suất máy 2: .....
- Nhiên liệu tiêu thụ..... lít/tháng
- Loại nhiên liệu: .....

\* Công ty có trang bị nồi hơi không?  Có  Không

- Số lượng: ..... cái
- Công suất nồi hơi 1: ..... Công suất nồi hơi 2: .....
- Nhiên liệu tiêu thụ:..... lít/tháng
- Loại nhiên liệu: .....

### 2.1.3. Nguồn phát sinh chất thải rắn và chất thải nguy hại

\* Chất thải rắn sinh hoạt

STT	LOẠI CHẤT THẢI	KHỐI LƯỢNG (Đơn vị/ ngày hay tháng)
1		
2		
3		

\* Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại

STT	LOẠI CHẤT THẢI	CÔNG ĐOẠN PHÁT SINH	KHỐI LƯỢNG (Đơn vị/ ngày hay tháng)
1			
2			
3			

\* Chất thải nguy hại

STT	LOẠI CHẤT THẢI NGUY HẠI	ĐẶC TÍNH (rắn, lỏng, bùn, ...)	KHỐI LƯỢNG (Đơn vị/ ngày hay tháng)
1			
2			
3			

**2.1.4. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

STT	CÔNG ĐOẠN PHÁT SINH TIẾNG ỒN, RUNG	ĐỘ ỒN (dBA)	NGUYÊN NHÂN
1			
2			
3			

**2.2. Tóm lược số lượng, thực trạng, diễn biến các nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải (sụt lở, xói mòn, ...) (NẾU CÓ)**

**III. BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU VÀ XỬ LÝ CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG TIÊU CỰC ĐANG ÁP DỤNG VÀ KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH, LẤY MẪU ĐỊNH KỲ CÁC THÔNG SỐ MÔI TRƯỜNG**

**3.1. Biện pháp giảm thiểu và xử lý các tác động môi trường tiêu cực đang áp dụng**

**3.1.1. Đối với nước thải**

\* Trang bị hệ thống xử lý nước thải:

Có (Gửi kèm bản vẽ Photocopy công nghệ hệ thống xử lý nước thải)

Không

- Công suất thiết kế của trạm XLNT:.....m<sup>3</sup>/ngày

- Công suất thực tế của trạm XLNT:.....m<sup>3</sup>/ngày

\* Hiện trạng hệ thống thoát nước thải (sinh hoạt + NTSX sau xử lý) và nước mưa tại doanh nghiệp: (Gửi kèm bản vẽ Photocopy hệ thống thoát nước):

Đã có 2 hệ thống thoát nước tách rời;

Nước thải thoát vào hệ thống nước mưa;

Nước mưa thoát vào hệ thống nước thải;

Không xác định được.

**3.1.2. Đối với khí thải**

\* Biện pháp xử lý bụi hiện đang áp dụng?

Có (gửi kèm bản vẽ Photocopy hệ thống xử lý bụi)

Không

\* Biện pháp xử lý khí thải hiện đang áp dụng?

Có (gửi kèm bản vẽ Photocopy hệ thống xử lý khí thải):

Không

**3.1.3. Đối với chất thải rắn và chất thải nguy hại**

STT	LOẠI CHẤT THẢI	PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ	ĐƠN VỊ XỬ LÝ
<i>A. Chất thải rắn sinh hoạt</i>			
1			
2			



- Nước thải: lấy mẫu nước thải trước khi xả ra hệ thống cống thoát của KCX/KCN; tiêu chuẩn đối chiếu: tiêu chuẩn nước thải thoát vào cống chung của KCX/KCN.
- Khí thải: lấy mẫu phân tích khí thải tại các nguồn phát sinh, sau hệ thống xử lý (nếu có); các tiêu chuẩn đối chiếu: TCVN 5939:2005 (Tiêu chuẩn khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ); TCVN 5940:2005 (Tiêu chuẩn khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ);
- Chất thải rắn và chất thải nguy hại: đính kèm các Hợp đồng với đơn vị có chức năng trong việc thu gom, vận chuyển, xử lý và chứng từ thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH
- Tiếng ồn, độ rung: đo đạc tại các vị trí phát sinh có khả năng gây ảnh hưởng nhiều nhất; tiêu chuẩn đối chiếu: TCVN 5949:1998 (quy định mức ồn tối đa cho phép khu vực công cộng và dân cư), TCVN 6962:2001 (quy định mức gia tốc rung tối đa cho phép đối với môi trường khu vực công cộng và dân cư);

\* *Giám sát môi trường xung quanh*: Định kỳ đo đạc, lấy mẫu phân tích các thông số đặc trưng (liên quan đến các nguồn tác động tiêu cực) của môi trường xung quanh cơ sở (không khí); tần suất đo đạc, lấy mẫu phân tích tối thiểu 06 tháng/lần.

- Môi trường không khí xung quanh: các tiêu chuẩn so sánh: TCVN 5937:2005 (Tiêu chuẩn chất lượng không khí xung quanh), TCVN 5938:2005 (Nồng độ tối đa cho phép của một số chất độc hại trong không khí xung quanh);
- Môi trường nước mặt: tiêu chuẩn so sánh: tiêu chuẩn nước thoát vào cống chung của KCX/KCN

#### **IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

- Nhận xét mức độ ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường xung quanh do quá trình hoạt động của cơ sở.
- Nhận xét hiệu quả xử lý ô nhiễm của cơ sở (các nội dung đạt và không đạt), nêu rõ nguyên nhân; cam kết khắc phục các nội dung không đạt, biện pháp khắc phục, thời hạn khắc phục; cam kết về việc thực hiện và vận hành thường xuyên các biện pháp giảm thiểu, xử lý chất thải đảm bảo đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành về môi trường; cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.
- Các kiến nghị của cơ sở đối với các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường và các cơ quan chức năng có liên quan khác.

**Chủ Doanh nghiệp**

(Ký, ghi họ tên và chức danh, đóng dấu)